

đâm vào trái tim cô, giết chết cô một lần nữa.

Lá thư của một ông em họ ông Đa báo tin: sau khi ông Đa đi tập kết vài năm, vợ ông buộc phải ly khai Việt cộng lấy chồng khác rồi ốm chết, hai đứa con ông đều phải di lính, một đứa chết trận còn một đứa đã di tản hồi giải phóng Sài Gòn, không biết đi đâu còn sống hay đã chết. Ông Đa về không gặp con, cũng đi tìm con trai nhưng không thấy, ông quay về rồi bị ốm và chết ở nhà ông em họ, không để lại một địa chỉ hoặc một lời nhắn nhủ nào. Mãi gần đây có người ở xóm đến bưu điện mới thấy thư vô thừa nhận, giở ra mới biết là người nhà ông Đa, người ta đem về giao cho em họ ông Đa để trả lời. Thư còn nói thêm rằng: Từ khi ông Đa mất đến nay, chưa thấy cô gái nào về thăm quê và tìm ba cả.

Đọc thư xong cô Dầu liền ngất đi, ngã gục xuống sân nhà bà hàng xóm bất tỉnh nhân sự. Người ta liền khiêng cô đến bệnh xá cấp cứu, hàng tuần lễ sau cô vẫn mơ mơ màng màng như người mất trí. Bà con hàng xóm láng giềng đều kéo đến động viên an ủi và săn sóc cô, kể ít người nhiều đến giúp đỡ cô trong lúc cô đang bị hoạn nạn này, người ta còn trông nom nhà cửa lợn gà cho cô, để cô yên tâm nằm chữa bệnh.

- Ôi con tôi đâu? Châm ơi! Bây giờ con tôi ở đâu?

Cô cứ luôn mồm gọi con, lúc gào to, như thét, lúc lại nói nhỏ như thì thầm bên tai.

- Ôi anh Đa ơi, sao anh không sống mà đi tìm con cho tôi!

Giá như không có cái thư thì cô Dầu vẫn còn chút hy vọng là con đã về đến quê ba nó, nhưng vì bận nhiều công việc nên chưa ra được, hoặc vì ông Đa muốn giữ con ở lại nên không muốn cho con biên thư ra vội, không có cái thư thì cô cũng cứ đinh ninh như vậy, vẫn còn chút hy vọng dù là mỏng manh, ai ngờ cái thư đến đã cắt đứt nốt sợi tơ nhện cuối cùng niềm tin của cô. Đến lúc này ông hàng xóm cũng mới dám nói thật là thư trong quê gửi ra cho ông cũng báo là không thấy thằng cháu về, cả cô gái nào đó cũng không có. Thư đã gửi ra báo tin từ mấy tháng nay, nhưng ông hàng xóm vẫn giấu kín vì sợ nói ra làm cho cô đau khổ, đến lúc này thì ông cũng không giấu được nữa. Và thế là cô Dầu đã hoàn toàn tuyệt vọng không còn một chỗ mỏng manh nào để bám víu nữa.

Cô Dầu bị nằm liệt một tháng trời, mới đi lại được.

- Tôi phải sống để đi tìm con tôi, ôi con tôi, giờ này con ở đâu?

Cô nói với mọi người xung quanh như vậy, và cô tự nói với mình như vậy. Khát vọng sống để đi

tìm con, như một lời cầu nguyện, như một câu thần chú, như một lời nguyện và như một quyết tâm sắt đá. Với ý chí đó, cô đã gắng sức hồi phục nhanh, chịu khó ăn uống để lấy lại sức khỏe và lại tiếp tục cần cù lao động để kiếm sống và kiếm tiền đi tìm con.

Nhưng sức lực của cô còn đâu được như xưa, mặc dầu cô chịu cực khổ, làm ngày làm đêm, suốt mấy tháng trời cũng chỉ đủ để kiếm sống tằn tiện cho một mình cô, tiền dành dụm chẳng đáng là bao, lại còn nợ nần cho hai chuyến đi của ông Đa và cái Châm hàng năm trời vẫn chưa trả được.

Nỗi mong chờ cho chuyến đi ngày càng nung nấu và sôi sục trong lòng cô. Cô phải đi tìm con. Còn tìm ở đâu, cô cũng không biết nữa. Nhưng phải đi, có lẽ trước hết cô phải lần tìm về quê ông Đa, để thắp hương cho nấm mộ ông, dù sao ông cũng là chồng của cô, dù không cưới không treo, nhưng đã có con và sống với nhau gần hai chục năm trời, một ngày là nghĩa hướng hồ... cô còn phải khẩn vái ông Đa phù hộ cho cô tìm thấy con, cô còn phải hỏi thăm anh em họ hàng nhà ông Đa xem có muốn giữ con Châm ở lại hoặc rủi con Châm có làm sao mà không báo cho cô biết. Cô còn phải đến nhà ông anh ông hàng xóm để tìm hỏi thằng cháu của ông, xem nó đã đưa con cô đi đâu?

Hoặc chẳng may chúng nó ăn nằm với nhau và nhờ ra có mang phải trốn tránh như cô trước đây thì cũng phải báo cho cô biết và cô phải tìm đến tận nơi, để chăm sóc và giúp đỡ nó.

Ôi, có biết bao điều phải hỏi phải nói, có bao nơi phải đến, thời gian cô sẽ phải đi mất bao nhiêu ngày, nếu nhanh thì chỉ một hai tuần mà chậm thì cũng chỉ trên dưới một tháng. Vậy thì càng phải đi, càng sớm càng tốt. Nhưng lấy tiền đâu để đi, ít ra cũng phải có vài ngàn hoặc vài chỉ vàng mới đi được, nào tiền tàu xe, nào tiền ăn đường, tiền ngủ trọ, tiền quà bánh... rất tốn kém. Dù tốn kém cũng phải đi, chỉ có đi thì mới có hy vọng sống. Cô có cảm giác rằng nếu mình không đi tìm con thì mình sẽ chết gục ở ngay cái nhà này. Ông hàng xóm từ chối không chịu đi, ông chỉ vẽ đường đến nhà ông anh họ của ông ở mãi ngoại ô Sài Gòn thôi. Được, cô sẽ đi một mình, cô sẽ hỏi đường rồi lần tìm ra được hết, đường ở mồm ấy chứ ở đâu. Duy chỉ khó khăn nhất là chưa có tiền thôi. Cô đã đi vay, nần nì hết người này đến người kia, cũng không ai chịu cho cô vay thêm một xu. Không lẽ cô đành thất vọng và sẽ chết gục ở ngôi nhà tồi tàn này hay sao? Cô nằm gục xuống nền nhà và khóc nức lên.

- Trời ơi sao tôi khổ thế này? Sao tôi không có tiền để đi tìm con tôi!

Như một phép nhiệm màu của trời phật phù hộ cô khóc mãi, khóc mãi và bỗng nhiên nghĩ ra một cách để có tiền, cô bỗng thốt lên lời:

- Ừ, sao lại không bán cái nhà này đi nhỉ, nếu không tìm thấy con thì mẹ cũng không sống nổi, để cái nhà này làm gì nữa! - Cô ngấm lại ngôi nhà, tuy tồi tàn, nhưng cũng vẫn là một ngôi nhà đã chứa cả gia đình cô suốt hơn chục năm nay, cô ngấm lại mảnh vườn mà chính bàn tay cô khai phá, những cây ăn quả xum xuê, những bụi cây bờ rào do cô trồng tỉa và những khóm hoa do chính tay con Châm trồng và vun xới. Ôi biết bao nhiêu kỷ niệm của một gia đình, tuy nghèo nàn nhưng ấm cúng và hoà thuận. Vậy bỗng chốc lại tiêu tan, chồng đi đàng chồng, con đi đàng con, chỉ còn lại một mình cô hiu quạnh, cô đơn. Cô lưỡng lự nửa muốn bán, nửa muốn không, suốt mấy ngày trời cô mới dám quyết tâm.

" Mình không thể ở lại cái nhà này nữa, cái nhà đã có ma có quỷ đã ám ảnh và phá hoại hạnh phúc của mình, phải nhanh chóng xa rời nó, dù có chết gục ở nơi đâu còn hơn trở lại ngôi nhà khốn khổ này..."

Với cái ý nghĩ đó làm cô quyết tâm đi gọi người đến bán nhà. Một bà hàng xóm khá giả gần đấy, sẵn sàng mua ngay.

Nhưng cô đang cần tiền gấp nên bị bắt bí, không cho vay cầm nhà mà phải bán đứt và chỉ trả giá bằng một phần ba, giá thị trường. Trước khi bán cô đã hỏi mấy ông để định giá giúp. Cái nhà ấy và toàn bộ vườn đất, có rẻ cũng phải được mười ngàn, nhưng bà ta chỉ trả có ba ngàn: "Đồng ý bán thì lấy không thì thôi, bà cũng chẳng cần cái lều tồi tàn và mảnh đất mèo ỉa ấy, nghĩ thương cô thì lấy giúp chứ người khác thì tôi cũng chẳng hoài tiền mà mua" (!) Cô Dầu tiếc rẻ không bán, nhưng gọi mãi người khác cũng không có ai mua, sau hai ngày đêm suy nghĩ căng thẳng đầu óc nữa, cô đành phải bán, van xin nì nèo mãi bà ta mới trả được ba ngàn rưỡi. Thôi cũng được, miễn là có tiền để đi được một chuyến, thiếu đâu sẽ liệu đấy sau.

Đêm cuối cùng của cô Dầu ở ngôi nhà thân yêu này, là một đêm trắng, cô thắp đèn và đi lẩn mò suốt đêm trong nhà quanh vườn, quanh sân, mỗi hòn đá, mỗi cành cây, mọi chỗ, mọi nơi đều thấm đẫm mồ hôi nước mắt của cô, mỗi cái cột cái kèo, bờ hè tấm vách, cái giường, cái tủ, cái chậu, cái nôi, mảnh chiếu, mảnh bát... đều thấm đầy những kỷ niệm êm đêm, cay đắng và chua sót của đời cô. Chỗ này treo cái nôi khi cái Châm còn bé, chỗ kia mắc võng, bố nó nằm ru cái Châm ngủ để cô đi làm đồng. Cái bờ hè này khi con bé mới lẫm

chăm bị ngã xuống sân, cô phải lấy phen chắn lại.. mỗi điểm, mỗi vật, mọi cái, mọi nơi... đều nhắc nhở cô suy nghĩ, nhớ lại những chuyện, những việc, từng giờ từng phút, từng tháng, từng năm. Đêm hôm khuya khoắt cô vẫn một mình một bóng, một tay cầm đèn, một tay dò dẫm sờ nắn, vuốt ve từng cái, từng cái từ trong nhà đến ngoài sân, từ trong vườn đến xó bếp, vừa vuốt ve cô vừa như nói với chúng về những kỷ niệm hay những lời chào của cô đến tất cả đồ vật cây cối, cô như muốn một lần nữa truyền hơi ấm từ bàn tay mình vào cho chúng để cho chúng sống động và đứng vững với thời gian với hoàn cảnh của con người và đất trời... Thôi vĩnh biệt ngôi nhà thân yêu! Vĩnh biệt nơi chôn vùi hạnh phúc và đau khổ, vĩnh biệt cái nôi, vĩnh biệt bờ sân, vĩnh biệt cây cau, cây na, cây bưởi vĩnh biệt bồn hoa, vĩnh biệt hạnh phúc, vĩnh biệt êm đềm...

Cứ lần mò đi, sờ soạng lại, vòng ra vòng vào, đi xuống đi lên mãi, mệt mỏi quá cô gục xuống vĩa hè thiếp đi tưởng chừng không ngửng đầu lên được nữa. Vừa lúc đó trời đã sáng, bà hàng xóm chủ nhà mới kéo tốp người đến dọn nhà, bà ta đang quát tháo âm ỉ:

- Thế cô còn chưa đi cơ à? Còn ở lại ám người ta hay sao, đã tiễn giao cháo múc rồi, tôi mời cô ra

đi cho người ta dọn dẹp. Khiếp, ăn ở gì mà hôi hám bẩn thỉu thế này, chúng mày đâu, quét dọn đi, vất tất cả cái đồ rách nát ấy vào một đống ngoài vườn kia, đốt đi, cứ như một cái nhà mồ hoang ấy.

Cô vội đứng lên, chạy vào nhà thắp một nén hương lên bàn thờ vái ba cái, rồi khoác cái túi sách cũ tồng teng, trong đựng mấy bộ quần áo rách và chiếc nón tần ngần bước đi. Ra khỏi cổng, cô đứng lại nhìn: Kia, người ta đang đốt một đống những vật kỷ niệm của cô, của gia đình cô và của con gái cô, ngọn lửa đang bùng lên trùm hết cả đống cỏ. Cô bỗng trào nước mắt, vội quay đi và bước nhanh như chạy trốn, thôi thế là hết, vĩnh biệt những kỷ niệm thân thương!

CHƯƠNG XI

Cô chùi tấm khăn lên đầu, rồi châm lửa đốt một nắm hương cắm lên nắm mô đã xanh cỏ, rồi quỳ xuống rì rầm khẩn vái:

- Ông Đa ơi, sống khôn chết thiêng, ông hãy phù hộ cho cái Châm được sống an toàn, ông hãy phù hộ cho tôi tìm thấy nó. Trời ơi, tôi đã có tội với ông nhiều lắm, tôi đã không giữ được cái Châm. Hay là tại ông? Ông đã bắt nó ra khỏi tay tôi, ông đã kéo nó đi theo ông? Bây giờ nó ở đâu, ông biết không? Nó còn sống hay chết? Ông ơi nếu không có nó thì tôi sống làm sao đây hay là ông hãy đợi tôi, cho tôi đi theo với ông ơi, ông hãy kéo tôi xuống cùng đi.... Châm ơi, giờ này con đang ở đâu?...

Cô gục xuống nắm mô ngắt lịm đi, đứa cháu dẫn cô ra chỉ mô ông Đa đã bỏ về lúc nào không biết, mãi đến buổi chiều một cơn gió lạnh làm cô bừng tỉnh, cô ngẩng lên thấy trời đã tối, bái nắm mô một lần nữa, rồi ể oải bước về làng, cô như người đi trên mây, cứ chập chờn chập choạng bước

thấp bước cao vừa đi vừa ngã, lại cố đứng lên bước đi như một bóng ma.

Từ miền Bắc vào miền Nam, đi xe ô tô đi tàu, đi xích lô, xe máy và đi bộ phải mất hàng tuần lễ cô Dầu mới vừa đi vừa hỏi và lần tìm đến quê hương chồng theo địa chỉ ông Đa để lại và cái phong bì của ông Hòa là em họ ông Đa gửi ra. Ông Hòa đón tiếp cô như một người khách lạ, chẳng hề hững nhưng cũng chẳng mặn mà. Ở đây không có tăm hơi gì về cái Châm cả, cô định viếng mộ ông Đa xong thì đi ngay. Nhưng cô bị mệt mỏi quá, đi không vững, ông Hoà thương hại giữ cô ở lại vài ngày "nghỉ ngơi cho khỏe rồi hãy đi". Cô đành lòng ở lại, nhưng chỉ sau ba hôm, sốt ruột quá cô phải vùng lên và kiên quyết ra đi. Gia cảnh của ông Hòa cũng nghèo lại đông con, nên chẳng có tiền đỡ dằn cô được, ông đã phải gánh cái đám tang của ông Đa cũng đã tốn kém rồi. Bà vợ ông Hòa xúc mấy ống gạo cho vào túi ni lông, rồi nhét vào túi sách của cô.

- Chị Hai thông cảm, chúng em nghèo quá, chẳng có gì, chị cầm tạm đi đường.

Cô Dầu từ chối không nhận, nhưng ông bà Hoà cứ nhét vào túi.

- Chị Hai chê bọn em nghèo mà không lấy thì bọn em tủi thân quá à.

Cô đành phải nhận, như một người hành khất nhận của bố thí.

Cô lại ra đi, tiếp tục cuộc hành trình tìm kiếm con gái, cô chào mọi người, lòng bùi ngùi xúc động. Dù sao họ cũng là người tử tế, cả nhà ông Hòa tiễn cô ra đi, mọi người đều thực lòng thương hại cô.

Phải mất khoảng một tuần lễ nữa, cô Dầu mới tìm đến được địa chỉ của người anh họ ông hàng xóm của cô ở một vùng ngoại ô thành phố Sài Gòn. Cô đã lần đến đúng phố, đúng số nhà. Nhưng ngôi nhà kín mít cửa đóng then cài... Cô chắc họ đi làm vắng nên tìm một chỗ quanh đó để ngồi chờ, chờ suốt một ngày từ sáng đến tối, vẫn không thấy ai về mở cửa, chờ đến khuya cũng không. Hỏi người xung quanh, không ai biết gì cả, hoặc họ có biết cũng không nói cho cô. Khuya quá rồi, cô phải hỏi đi ngủ trọ, cô không dám vào nhà trọ vì sợ xa không theo dõi được ngôi nhà và tốn nhiều tiền, cô phải nằm nhờ bên cạnh cái lán bà cụ bán nước đêm ở vỉa hè phố. Suốt cả ngày cô chỉ dám mua bánh mì ăn và xin nước lã uống. Túi tiền cô vẫn phải giấu kỹ trong mình, nhét mãi phía trong quần lót, vậy mà khi ngủ trên hè phố bàn tay cô vẫn phải nắm chặt khư khư lấy nó, trộm cắp đầy đường, biết thế nào được. Bọn đi đêm cũng đi lại bầu quanh lấy cái lán bé nhỏ của bà cụ bán nước,

thỉnh thoảng lại có xe đưa khách đón khách đỗ xích ngay ở bên hè, rồi những tiếng nói cười tục tĩu cứ ồn ào rộ lên từng lúc từng lúc một. Cô mệt quá nằm cạnh đấy cũng không yên, muốn ngủ mà không sao ngủ được, lại không dám đi xa, chỗ vắng vẻ. Bà cụ già thương hại cho nằm nhờ bên cạnh còn bảo "cứ nằm yên đấy, cố mà ngủ đi một chút, tôi trông cho không sợ đâu, đừng có đi xa" ấy vậy mà đôi lúc cũng có kẻ lật nón cô ra để xem mặt, lại còn đá vào người mà gọi:

- Nay có đi không? Bao nhiêu tiền?

- Chu cha, già thấy nội rồi còn gì, thế mà cũng đòi làm tiền.

- Mẹ kiếp, con ăn mày cũng đến chỗ này để kiếm khách à, tránh xa ra đi, hôi thấy mẹ!...

Mặc kệ, cô Dầu cứ đập nón vào mặt, không nhìn thấy gì hết, cô cứ ngủ hoặc vờ ngủ để cho đỡ mệt, chờ đến sáng.

Cứ như thế, cô ngồi và nằm ở cái "đài quan sát" đó phục kích cái số nhà bên kia đường phố, suốt ba ngày ba đêm liền mà chẳng thấy một bóng người nào về mở cửa cả.

Mãi sau mới nhờ bà cụ hàng nước đi hỏi dùm, thì mới biết gia đình này đã đi di tản sang nước ngoài rồi, không còn ai ở nhà cả. Riêng thằng con trai thì nghe nói còn đang ở ngoài Đà Nẵng không biết có di tản hay chưa?

Cô cũng sờ cả người, nếu vậy thì cô phải ra Đà Nẵng, may còn chút hy vọng mỏng manh. Cô vội vàng từ biệt bà cụ hàng nước nhân tử, từ biệt cái vỉa hè và ngôi nhà hoang vô chủ. Cô lại tiếp tục cuộc hành trình tìm kiếm con gái của cô.

Lại phải mất vài ba ngày nữa cô mới ra được tới Đà Nẵng. Nhưng giữa thành phố mênh mông thế này, cô biết con cô ở đâu. Tại sao ở Sài Gòn cô lại không hỏi thăm địa chỉ nhỉ, nhưng có ai biết đâu mà hỏi, cô chỉ tự hỏi cô và tự trách mình thôi. Tốt hơn hết là cô cứ đứng ở ngã tư đường và khẩn trôi khẩn phật để nhìn thấy con gái cô đi qua, hoặc cái anh lái xe ấy cũng được hoặc chỉ còn cách đi lang thang khắp thành phố này để nhìn từng người, từng người một mà thôi. Nhưng mệt mỏi quá cô không thể đi được nữa, cô cứ ngồi đây đã. Cô lại lập một cái "đài quan sát" và ngắm nhìn tất cả mọi người đi qua. Suốt từ sáng đến tối, cô cứ căng mắt ra mà nhìn, cô mua sẵn mấy chiếc bánh mì cho vào túi để ăn dần.

- A, đây rồi, Châm ơi, Châm ơi!

Cô vội vàng chạy đuổi theo một cô gái có dáng dấp giống cái Châm, nhưng đến nơi lại hoá ra không phải. Có lúc cô còn kéo áo người ta quay lại để nhìn mặt, bị người ta mắng cho, cô phải xin lỗi:

- Xin lỗi cô tôi nhầm ạ!

Lại có hôm cô trông thấy người giống cái anh chàng lái xe nọ, cô cũng chạy theo gọi.

- Anh gì ơi, anh gì ơi, cho tôi hỏi nhờ một tý!

- Dạ bà hỏi gì ạ? - Anh thanh niên quay lại. Nhưng không phải.

- Ôi tôi xin lỗi, tôi tưởng người quen mình, anh thông cảm cho.

Rồi cô lại trông thấy cái xe giống như cái xe ô tô mà con Châm đi nhờ, cô vội vàng chạy lại vẫy, nhiều xe chạy thẳng cũng có xe dừng lại, cô nhìn không phải người lái xe này, lại xin lỗi, lại bị người ta mắng cho. Cô làm sao nhớ được, cô lại không nhớ số xe, không nhớ tên người lái xe thành thử cô chỉ mất công hoài. Đúng là "mò kim đáy bể, biết đâu mà dò".

Cô cứ ngồi lý ở mãi ngã tư, ở đầu chợ, mỗi chợ vài ba ngày, ăn ngủ luôn bên hè phố, rồi lại dậy nhai bánh mì và quan sát người qua lại. Đã hàng tháng trời mà vẫn không thấy bóng mặt cả những người bán nước, những người buôn thúng bán mẹt quanh đó. Nghe cô kể lể, ai cũng thương hại cô và ái ngại cho cô, cũng có người giúp đỡ cô, bát cơm hàng ăn thừa, miếng bánh mì bẻ đôi hoặc ngụm nước chè, cốc nước mát. Có cả những người cảnh sát lúc đầu còn nghi ngờ và xua đuổi cô, nhưng mãi rồi quen, cũng thương hại cô và gọi điện giúp

Bến hồng nhan - 1771

cô đến một vài phường quận xem các sổ khách tạm trú có ai tên là Châm không, người ta lại còn phát lên đài truyền thanh truyền hình và đăng trên báo tìm con họ cô. Nhưng mọi biện pháp đều vô hiệu. Cô chỉ còn biết đi lang thang để nhìn mọi người rồi khóc mà thôi.

Dòng dãi hơn ba tháng trời, cô Dầu lê gót chân đi khắp các thành phố lớn để tìm con, cô ở mãi Đà Nẵng không thấy, lại quay vào Sài Gòn, rồi lại quay ra Nha Trang, khắp các ngã đường, ngã ba ngã tư, đầu chợ cuối sông, bến tàu, bến xe... Cô cứ đi, cứ tìm, kiên trì và nhẫn nhục, cực khổ và chán chường. Tiền hết gạo hết, quần áo cũng xác xơ, người tọp hủn đi, gầy còm và đen nhẻm, mới ngoài bốn mươi tuổi mà trông như một bà già, lắm lúc muốn chết nhưng không làm sao chết được. Đã có lần cô đã ra đến bờ sông nhảy xuống, cũng có lần cô định lao vào tàu vào xe cho xong đời. Nhưng hình như thần chết chưa cho chết mà bắt cô phải sống để hành hạ cô, để cô phải chịu cực hình trên cõi trần này. Cứ mỗi lần cô muốn chết thì lại có linh tính, như từ cõi xa xăm, cái Châm còn bé bỏng, đang giơ tay vẫy gọi cô, đang thì thầm bên tai cô, cầu cứu cô "mẹ ơi cứu con với, mẹ ơi cứu con với". Thế là cô lại không dám chết. Cô phải sống, sống để tìm thấy con cô, sống để cứu vớt con cô và

thế là cô phải sống, cắn răng chịu đựng mà sống, sống để cứu con, nhưng có ai cứu cô trong lúc hoạn nạn này không? Có lúc cô muốn quay về, nhưng về đâu, nhà cửa đã bán hết rồi còn đâu. Có ai cứu cô trong lúc khốn nạn này không, đói, rét, lang thang không nhà đi ăn mày, ăn xin để sống, sống để tìm con và cứu giúp con. Khi gánh nước thuê, khi quét đường, dọn hố xí, rửa bát đĩa, lau quét nhà hàng... Việc gì cô cũng làm để kiếm miếng ăn. Đôi khi còn bị người ta đánh đập, chửi rửa khinh bỉ vì tranh cướp miếng ăn, việc làm của những người thất nghiệp nghèo đói. Cô phải chịu đựng để sống, nhịn nhục mà sống, bằng bất cứ giá nào.

Rồi một hôm gặp may mắn, ở một nhà hàng nhỏ có tên là Bồng Lai mà cô vẫn hay la cà ở gần đấy khi ăn hàng, lúc thì làm thuê và lúc lại ăn xin, thiếu một chân rửa bát, bà già rửa bát ở đây bị ốm phải nghỉ, bà chủ hàng phúc hậu đã cho cô vào làm thay ít ngày. Cô mừng rỡ bắt tay vào làm ngay. Cô làm rất chăm chỉ và cẩn thận, gọn gàng sạch sẽ, được bà chủ ưng ý, và cho làm tiếp những ngày sau, suốt từ 5 giờ sáng đến 12 giờ đêm, xong việc cô lại về cái xó hè gần đó để ngủ. Hai tuần sau bà già làm công cũ ốm, thôi việc rồi về quê, từ đó cô được thay thế hẳn chân rửa bát và kiêm thêm phụ bếp. Mãi đến hàng tháng sau, sau khi

kiểm tra thử thách, bà chủ mới thấy tin tưởng và thương hại cho hoàn cảnh của cô, mới cho cô ở hẳn trong nhà, ngủ ở một xó bếp, cho tiện việc dậy đun bếp lò sớm.

Có thể nói, từ khi vào làm ở nhà hàng Bông Lai, đời cô Dầu đã chuyển sang một bước ngoặt mới. Do bản chất nông dân, thật thà ngay thẳng và chịu thương chịu khó nên cô đã chiếm được cảm tình và lòng tin của bà chủ quán. Cô được đối xử tử tế hơn so với những người ăn người làm khác. Tuy việc làm có vất vả thức khuya dậy sớm, đầu tắt mặt tối, nhưng lại được ăn uống bồi dưỡng khá đầy đủ thoải mái, có chỗ ăn ngủ đàng hoàng. Tuy chật trội nhưng đầy đủ tiện nghi, quạt điện, chăn đệm êm ấm. Bà chủ hàng còn cho cô những quần áo của bà tuy cũ nhưng vẫn tốt và hợp thời trang. Về tinh thần luôn luôn bị cuốn hút vào công việc làm ăn rồi vui chơi giải trí của nhà hàng, ít có thời gian suy nghĩ riêng tư, nên nỗi nhớ nhung con gái và nỗi sầu hận đời mình cũng nguôi ngoai, giảm đi phần nhức nhối, vơi đi những đau buồn.

Chỉ mấy tháng trời mà trông người cô Dầu thay đổi hẳn đi, béo tốt lên, trắng trẻo ra và da dẻ hồng hào, nét mặt tươi tỉnh hẳn. Tuy nụ cười đôi lúc vương vấn sầu thương, nhưng thân hình của cô và tính tình của cô đã đang hồi phục và trở lại thời

con gái hoa khôi của làng Trần. Với cái tuổi gần 50 vẫn đang là cái tuổi tái xuân, đã giúp cho cô lấy lại cái duyên dáng vốn có ngày xưa, cái tuổi đáng gọi bằng bà và cũng xứng đáng làm bà, nhưng người ta không nỡ gọi bằng bà bởi vì lẽ trông cô bây giờ trẻ hơn tuổi, chỉ như một cô gái chững chạc đúng tuổi thôi, còn bởi lẽ cô là người ăn ở trong nhà, nên bà chủ chỉ gọi bằng cô, bằng chị mà thôi. Nếu cô có được trang sức tí chút và ăn mặc đẹp đẽ hợp thời trang thì có lẽ cô còn đẹp hơn cả bà chủ và người ta đã lầm cô với bà chủ, còn ít tuổi hơn cô đến gần chục tuổi.

Thân hình cao to cân đối, đường nét hấp dẫn, bộ ngực nở nang, và nụ cười duyên dáng và đôi mắt lúng liếng của người đàn bà tái xuân này, đang là một mối nguy cơ cho chính cô Dầu và cho nhà hàng. Đã có vài người đàn ông già trai lơ đến ăn hàng đòi cô lên phục vụ bàn, hoặc lảng vảng quanh nhà để tán tỉnh, cũng có người còn ngã giá với bà chủ hàng để cô lên phục vụ buồng, một giờ, một đêm hoặc tàu nhanh tàu chậm. Nhưng bà chủ hàng đều từ chối và thoái thác.

- Thiếu gì các con nhỏ, mà các ông thích nạ dòng?

- Trời ơi, "hoa thơm nhị rữa còn thơm, nụ hoa mới nhú chẳng hơn nạ dòng" đấy cô em ạ, hớ hớ! Anh xin đổi hai bé con lấy một bé lớn này, em có ưng không nào?

Bọn người đó nhìn cô mà thèm giở giải. Nhưng bà chủ nhất mực từ chối, bởi lẽ bà vốn là người nhân từ, thương cảm cho hoàn cảnh của cô, không muốn đẩy cô vào bước đường cùng. Bởi lẽ bà chủ hàng còn vì quyền lợi của hàng của bà, nếu để cô hư hỏng hoặc mất cô sẽ mất một đứa ở trung thành, mất một người làm xóc vác. Vì thế không những từ chối khách mà bà còn đe dọa cả cô:

- Nếu không giữ mình cẩn thận thì tôi sẽ đuổi đấy.

- Dạ vâng! Xin bà yên tâm!

Tuy hứa với bà chủ vậy, nhưng chính cô Dầu cũng lo, cô không lo bởi cánh khách sang trọng chán thịt cá, thềm ăn rau dưa, mà cô lo ở cánh trai lơ ở lớp người lao động, ở người đầu bếp, xích lô, phu khuân vác, ba gác, vệ sinh... những người cùng hoàn cảnh như cô. Và cô lo với chính bản thân cô, đã có những đêm thức suốt đêm thở dài không ngủ vì nhớ lại những hình ảnh quần quai với những người tình trước đây.

Bà chủ hàng Bông Lai đã tìm ra được một giải pháp hữu hiệu để gạt bỏ mối đe dọa cho nhà hàng và cũng tìm cách dập tắt đám lửa âm ỉ trong lòng người đàn tái xuân này.

Bác Hoàng Sáng là đầu bếp già của nhà hàng Bông Lai này từ nhiều năm nay, bác được bà chủ

tin dùng vì bác rất tận tụy với nghề nghiệp và trung thành với chủ. Với tài nấu ăn, và đầu óc luôn luôn tháo vát, sáng tạo cái mới của bác, đã đem lại nguồn thu lớn, làm giàu cho nhà hàng, vì thế mọi người trong gia đình chủ đều quý trọng bác và vì nể bác, bác Sáng năm nay ngoài 50 tuổi, nhưng sống độc thân, có một thằng con trai đi lính làm sỹ quan nguy rồi bị chết trận ở đường 9 Nam Lào. Bà vợ vì nhớ thương con, rồi bị ốm chết đã bốn năm nay rồi. Nhiều người giục bác lấy vợ kiếm đứa con nối dõi, nhưng bác còn chưa muốn "già rồi lấy làm gì cho mệt", vả lại bác cũng chưa gặp người nào thích hợp.

Từ khi có cô Dầu vào làm ở đây, lúc đầu bác cũng chẳng chú ý gì, nhưng vài tháng sau, thấy người đàn bà này chịu khó, chăm chỉ, hiền lành và trung thực, lại có nhiều nỗi đau buồn, nên bác Sáng cũng hỏi han động viên an ủi và dần dần thấy có cảm tình. Bỗng nhiên mấy tháng gần đây, thấy cô Dầu thay da đổi thịt, trông người rạng rỡ hẳn lên, thì bác lại càng thấy cảm mến, rồi đem lòng yêu thương, quả là một người đẹp người đẹp nét. Nhưng bác vẫn để trong lòng kín hơi kín tiếng, đã chắc cô ấy có ưng không, lại còn ông bà chủ, chắc gì họ cho lấy chồng, mà còn để bán hàng hoa cho họ kiếm lời, và nhất là ông chủ, có khi lại muốn

để làm người hầu riêng thì sao? Vì thế bác Sáng cứ âm thầm không nói, vốn tính bác vẫn ít nói, mà bác cũng không hay nói chuyện với cô Dầu, chỉ khi nào cần thiết thì sai bảo công việc bác mới nói.

Bà chủ Bông Lai không cần bàn trước với cô Dầu, bởi lẽ tâm lý đàn bà với nhau, bà biết rồi, bà chỉ bàn với bác Sáng là được. Một hôm nhân lúc rỗi khách, bà gọi bác Sáng vào trong buồng hỏi:

- Bác có muốn lấy vợ để tôi làm mối cho, có một đám này hay lắm hợp với bác.

- Dạ, đám nào đấy ạ?

- Ngay trong nhà mình đấy thôi. Thật là đẹp đôi vừa lứa, nếu bác đồng ý thì tôi sẽ lo tổ chức cưới xin cho bác, hai người vẫn đến làm việc ở đây, tiện cả đôi đường!

Bác Sáng mặt đỏ bừng và đôi mắt sáng lên, véng véng ngừng ấp úng:

- Nếu được như thế thì còn gì bằng... vâng, trăm sự nhờ bà, tôi nguyện suốt đời đội ơn bà.

Bác Sáng từ hôm đó vui hẳn lên, miệng luôn cười nói suốt ngày, có lúc bận hàng trăm khách, bác vẫn nhanh nhẹn phục vụ băng băng không mệt mỏi.

Bà chủ Bông Lai cũng chẳng mất công để thuyết phục cô Dầu, bởi cô còn có con đường nào khác, giữa lúc bơ vơ không nơi nương tựa, giữa lúc

ngọn lửa tái xuân đang bùng lên, và giữa lúc bọn trai lơ luôn rình rập bao vây xung quanh người đàn bà nhan sắc và hùng hực khí thế này.

Đám cưới của ông Sáng và cô Dầu tổ chức ngay tại nhà hàng Bông Lai và 11 giờ đêm, sau khi đóng cửa hàng, do bà chủ làm chủ hôn và chịu chi phí tất, rất đơn giản, chỉ có hai mâm cỗ, gồm cả gia đình chủ và người làm. Không có đại diện nhà trai nhà gái, cũng chẳng có bạn bè nào. Bà chủ đứng lên tuyên bố đôi câu, chúc mừng cho cô dâu chú rể sống với nhau hạnh phúc trọn đời. Rồi mọi người đều nâng cốc chúc mừng cho đến tận khuya.

Cả hai người, ông Sáng và cô Dầu đều vô cùng vui sướng và thực lòng cảm ơn bà chủ đã vun đắp cho mối tình già này.

Mãi đến gần một giờ, đôi vợ chồng mới, mới dẫn nhau về đến nhà ông Sáng, trong một ngõ hẻm cũng ở gần đó. Đêm tân hôn của đôi vợ chồng già thật chứa chan hạnh phúc, lúc này họ mới có điều kiện để nói với nhau về cuộc đời của họ. Cả hai cùng khóc, khóc vì đau buồn, khóc vì mừng tủi và khóc cả khi hai con trâu mộng đang húc nhau trên giường. Những cơn mưa tích tụ từ bao năm đang nổi cơn bão tố, gió phải vượt trên cấp 12. Đêm tân hôn thật ngắn ngủi, cuộc trọ trâu của họ